

VẤN ĐỀ LỰA CHỌN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU ĐỀ (*)

Bài viết khẳng định sự lựa chọn mô hình phát triển kinh tế ở nước ta trong giai đoạn đổi mới là tất yếu khách quan và phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Trên cơ sở làm rõ quá trình hình thành mô hình phát triển kinh tế tổng quát của Đảng qua các kỳ Đại hội, tác giả đã lý giải rằng, việc xây dựng mô hình phát triển kinh tế hiện nay là một quá trình vừa tìm tòi, vừa có sự đổi mới trong nhận thức của Đảng ta về vai trò của kinh tế thị trường trong sự nghiệp phát triển đất nước. Theo tác giả, những thành tựu của đất nước trong tiến trình đổi mới đã chứng tỏ mô hình phát triển kinh tế mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn là đúng đắn và phù hợp với lý luận chung về sự phát triển.

Công cuộc đổi mới toàn diện của Việt Nam được tiến hành từ năm 1986 với mốc đánh dấu là Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Đại hội này được ví như Đại hội đổi mới tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để có đổi mới về tư duy, về tầm nhìn Đảng Cộng sản Việt Nam đã tự nhìn nhận và đánh giá lại mình trong những năm lãnh đạo cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội VI, Đảng Cộng sản Việt Nam tự nhận những sai lầm của mình “là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”(1). Để khắc phục những sai lầm đó trên tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có sự đánh giá và phê phán những sai lầm nêu trên bắt nguồn từ cách suy nghĩ và hành động nóng vội, chủ quan, duy ý chí, muốn có nhanh chủ nghĩa xã hội mà không tôn trọng các quy luật khách quan. Sự đổi mới tư duy của Đảng Cộng sản

Việt Nam bắt nguồn từ nhu cầu thực tiễn phát triển đất nước, từ tâm tư nguyện vọng của nhân dân lao động, từ kinh nghiệm sáng tạo của một số cơ sở địa phương. Trong đổi mới tư duy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi bước đột phá căn bản là đổi mới tư duy trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam tiến hành một công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Trong đổi mới tư duy của Đảng thì đổi mới tư duy về phát triển kinh tế luôn giữ vị trí cốt lõi, nền tảng cho việc đổi mới tư duy trong các lĩnh vực khác. Trong thực tiễn tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam cũng lấy đổi mới trong lĩnh vực kinh tế là trọng tâm, nhiệm vụ hàng đầu và

(*) Tiến sĩ, Phó trưởng phòng Triết học Mác – Lênin, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.57.

xuyên suốt. Không có đổi mới trong kinh tế thì các tiến hành đổi mới khác không có cơ sở để hiện thực hóa và các đổi mới trong các lĩnh vực khác phải phục vụ cho phát triển kinh tế, lấy phát triển kinh tế là mục tiêu đổi mới trong lĩnh vực của mình.

Trong suốt tiến trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương: trong lĩnh vực văn hóa, tiến hành xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; trong đối ngoại, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với tất cả các nước trên tinh thần độc lập tự chủ, tự lập tự cường; trong lĩnh vực chính trị, thực hiện sự ổn định, xây dựng và củng cố vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; trong lĩnh vực quốc phòng, tiến hành xây dựng nền quốc phòng toàn dân tiên tiến và hiện đại. Với những chủ trương đổi mới đúng đắn đó, trải qua hơn 20 năm tiến hành đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà còn trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Tuy nhiên, những đổi mới trong kinh tế vẫn giữ vị trí trung tâm trong toàn bộ công cuộc đổi mới của Việt Nam vì nó đụng chạm đến đời sống thực tiễn hàng ngày của người dân lao động. Chỉ khi nào những thành tựu của đổi mới nâng cao được đời sống của đa số người dân lao động thì nó mới thực sự đi vào cuộc sống, vì được đông đảo nhân dân ủng hộ và tiến trình đổi mới lúc đó mới là tất yếu khách quan, không thể đảo ngược. Trong đổi mới tư duy về phát triển kinh tế thì đổi mới về thể chế kinh tế, trong đó nổi bật là vấn đề lựa chọn mô hình phát triển kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa

xã hội giữ một vị trí quan trọng.

Như đã biết, hiện nay ở Việt Nam đang xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước và coi đó là mô hình phát triển kinh tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thế giới. Nhưng việc thay thế mô hình kinh tế kế hoạch tập trung bằng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình vừa nhận thức lại, vừa tìm tòi thử nghiệm trong thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu sự mở đầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Tuy nhiên, ở Đại hội này Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ mới chính thức thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa và thị trường, coi nó là đặc trưng thứ hai của nền kinh tế, còn đặc trưng thứ nhất vẫn là tính kế hoạch. Phải đến tháng 3/1989 (với sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI), Đảng Cộng sản Việt Nam mới đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần. Từ đây, các phạm trù của nền kinh tế thị trường được sử dụng ngày càng phổ biến cả trong thực tiễn chỉ đạo phát triển kinh tế lẫn trong các sách báo viết về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhưng trước khi có Nghị quyết này thì năm 1988, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết 10 thể hiện một bước tiến mới trong quan điểm của mình đối với vấn đề hiện thực hóa quan điểm kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn. Tinh thần chính của Nghị quyết 10 là vấn đề giao ruộng dài hạn cho người nông dân và người nông dân có cơ hội được làm chủ tư liệu sản xuất, tự đầu tư và mở rộng sản xuất (những điều này

trước thời kỳ đổi mới bị cấm một cách ngặt nghèo). Tuy nhiên, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam ở thời kỳ này vẫn coi trọng phát triển theo kế hoạch do Nhà nước chỉ đạo, còn thị trường chỉ là bổ sung cho kế hoạch chứ chưa phải là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch phát triển nền kinh tế của đất nước.

Phải đến Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1991), trong Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước Đảng Cộng sản Việt Nam mới khẳng định: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa”(2). Đó là nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mà chưa phải là chính nền kinh tế thị trường – trình độ phát triển cao của nền kinh tế hàng hóa. Mặc dù đây chưa được coi là mô hình về phát triển nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhưng nó đã thể hiện rõ quan điểm đổi mới của Đảng và thực tiễn đổi mới của nền kinh tế Việt Nam trên 3 phương diện: *một là*, sự đoạn tuyệt với mô hình phát triển kinh tế cũ (mô hình kế hoạch hóa tập trung); *hai là*, sự tìm tòi và quyết tâm xây dựng một mô hình phát triển nền kinh tế mới phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại; *ba là*, xây dựng nền kinh tế mới phải hướng đến mục tiêu phát triển chung của đất nước là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đến Đại hội VIII (1996), qua thực tiễn thành công của 10 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định xu thế đổi mới của Việt Nam là không thể đảo ngược, việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường được thực hiện chỉ trên phương diện kinh tế - kỹ thuật, còn mục tiêu của sự phát triển kinh tế nói riêng và đất

nước Việt Nam nói chung vẫn luôn theo hướng xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vẫn giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã đề ra từ khi đất nước giành được độc lập dân tộc đến nay. Điều đó đã thể hiện quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là “đổi mới nhưng không đổi màu”, đổi mới trên tinh thần phát huy, sử dụng những thành quả, tinh hoa của cả dân tộc và thời đại, đổi mới dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Song, chỉ đến Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2001) thì mô hình phát triển kinh tế mới chính thức được nêu ra: “Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội”(3).

Đến nay, những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế và toàn bộ đời sống xã hội đã chứng tỏ rằng, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa rõ ràng là mô hình phù hợp vừa với lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế trong một nước sản xuất nông nghiệp là chính, vừa với quy luật phát triển khách quan của đời sống kinh tế của thế giới hiện đại. Điều này cũng thể hiện quan điểm đổi mới của Đảng khi không đối lập kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội, mà coi nó

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội 1991, tr.11.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88.

như một thành tựu của loài người mà Việt Nam cần phải sử dụng để đưa nền kinh tế đất nước ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế thị trường mà Việt Nam xây dựng không phải là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, cũng không phải xã hội chủ nghĩa, mà là theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Do vậy, nó có những ưu thế nhất định trong phát triển (sử dụng mọi thành quả trong phát triển kinh tế - kỹ thuật mà loài người đã đạt được, tập trung được toàn bộ sức người, sức của cho phát triển kinh tế,...), nhưng cũng gặp rất nhiều trở ngại trong việc xác định tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế trong quá trình xây dựng nền kinh tế.

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa được coi là mô hình phát triển kinh tế, vừa là mục tiêu mà nền kinh tế Việt Nam phải đạt tới nếu muốn có chủ nghĩa xã hội. Đến Đại hội X (năm 2006), Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có thể thấy, đây là những bước bổ sung cần thiết trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Nó vừa thể hiện sự nhận thức ngày càng sâu sắc và đầy đủ hơn về con đường đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế chung của thế giới, vừa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam qua từng giai đoạn phát triển cụ thể.

Trên cơ sở đánh giá một cách khái quát quá trình hình thành mô hình phát triển kinh tế tổng quát ở nước ta trên cả phương diện nhận thức của Đảng lẫn thực tiễn xây dựng như trên, chúng ta

thấy rằng vấn đề lựa chọn mô hình phát triển kinh tế ở nước ta là một quá trình không đơn giản. Trước hết, chúng ta đều thấy ngay Đại hội VI của Đảng dù được thừa nhận là Đại hội của đổi mới nhưng trong lĩnh vực kinh tế thì vẫn là sự đổi mới không triệt để, nếu xét kỹ hơn thì nó mới mang tính cải cách chứ chưa phải là đổi mới theo ý nghĩa cách mạng của khái niệm này. Bởi vì, lúc đó Đảng ta vẫn chưa có sự nhận thức đầy đủ về nền kinh tế thị trường và vai trò của nó trong sự phát triển của đất nước. Đảng ta mới chủ trương vận dụng những yếu tố thị trường trong phát triển kinh tế, mà chưa phải là xây dựng chính nền kinh tế thị trường. Trong giai đoạn đó, nhiều người trong giới lý luận nước ta thường dựa trên chính sách phát triển kinh tế mới của V.I.Lênin để luận giải cho việc sử dụng những yếu tố của kinh tế thị trường như những “bước trung gian” hay “bước quá độ gián tiếp” để đi vào chủ nghĩa xã hội. Thực ra thì một nền kinh tế với tính cách một thực thể hoàn chỉnh chỉ có thể phát triển được khi nó là chính nó và phát triển tuân theo những quy luật nội tại của nó. Việc đưa những yếu tố của một nền kinh tế này vào một nền kinh tế khác thì các yếu tố đó vẫn chịu sự chi phối của nền kinh tế mà chúng tham gia vào. Vì vậy, nếu nền kinh tế nước ta vẫn phát triển theo cơ chế kế hoạch tập trung thì những yếu tố thị trường sẽ có tác dụng cực kỳ hạn chế, hơn nữa nếu dung lượng quá lớn sẽ tạo ra sự xung đột với nền kinh tế cũ và sẽ đem lại hậu quả xấu không nhỏ cho đời sống của đa số người dân. Nhưng không vì thế mà chúng ta có thể ngay lập tức thay mô hình kinh tế cũ bằng mô hình kinh tế mới như thay một chiếc áo. Điều đó là không thực tế và không có khả năng làm được vì rất nhiều

lý do cả chủ quan lẫn khách quan. Còn việc nước Nga Xôviết trong thời kỳ V.I.Lênin lãnh đạo chuyển từ kinh tế cộng sản thời chiến sang mô hình kinh tế mới có thể thực hiện được là bởi chính cái gọi là kinh tế cộng sản thời chiến đó không thể được coi là mô hình phát triển kinh tế mang tính tất yếu khách quan. Vì vậy, về phương diện tất yếu kinh tế, nó không tồn tại với tư cách là mô hình phát triển kinh tế. Sự hiện diện của nó khi đó chỉ là một minh chứng cho việc cần thiết phải áp dụng nó như một biện pháp chiến lược nhằm bảo vệ chính quyền Xôviết non trẻ. Vì thế, việc chuyển sang mô hình kinh tế mới là trở lại sự phát triển theo đúng quy luật nội tại của phát triển kinh tế.

Ở Việt Nam nếu có thể chuyển ngay sang mô hình kinh tế mới một cách triệt để từ sau năm 1975 thì có nhiều khả năng thực hiện hơn. Tuy nhiên, đây lại là một hạn chế lịch sử mà chúng ta không thể thực hiện được. Vì thế, trong đường lối xây dựng kinh tế của Đại hội VI vẫn chỉ dừng ở chỗ thừa nhận tác dụng của một số yếu tố của kinh tế thị trường, mà không phải vai trò của chính nền kinh tế thị trường. Sau này, trải qua cả thực tiễn sinh động và sự biến đổi trong nhận thức mà Đảng ta ngày càng hoàn thiện phương thức chỉ đạo việc xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Vậy, nếu đánh giá lại thì quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế mới ở nước ta đã thực hiện có gì không đúng về mặt lý luận? Nếu nhìn lại quá trình xây dựng mô hình phát triển kinh tế ở nước ta sẽ có nhiều quan điểm đánh giá khác nhau. Có ý kiến cho rằng, tốc độ chuyển đổi là quá chậm và chúng ta còn nặng về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, mà thiếu đi sự nhanh nhạy trong chỉ đạo các thành phần kinh tế khác sao cho đạt được hiệu quả

phát triển nhanh nhất. Vì thế, các chính sách đối với các thành phần kinh tế khác nhau không thực sự bình đẳng, nhất là giữa thành phần kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế khác. Từ đó, dẫn đến việc chậm tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, chậm tạo ra một hành lang pháp lý đủ rộng để các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tác nghiệp. Đây là một thực tế đã diễn ra, nhưng từ đó suy thành sự sai lầm của việc chậm đổi mới triệt để sang mô hình kinh tế mới lại hoàn toàn không đúng. Bởi, về tất yếu kinh tế, ở nước ta đã tồn tại mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung từ lâu và nó tồn tại như một thực thể kinh tế. Việc xóa bỏ ngay nó không hề dễ dàng. Hơn nữa, việc áp dụng một mô hình phát triển kinh tế nào cho phù hợp với thực tiễn đất nước lại không hề có sẵn. Với những mô hình phát triển kinh tế đã và đang tồn tại trên thế giới thì cũng không thể áp dụng nguyên xi vào Việt Nam được.

Vì thế, việc nhận thức, tìm tòi con đường đi riêng cho Việt Nam cũng là một tất yếu khách quan. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến chúng ta không thể có ngay mô hình phát triển kinh tế như năm 1991 đã đưa ra. Tốc độ hình thành một nền kinh tế thị trường như Đảng đã đưa ra năm 1991 hoàn toàn phụ thuộc vào thực tế phát triển khách quan của đất nước trong giai đoạn chuyển tiếp từ một mô hình kinh tế này sang một mô hình kinh tế khác.

Ý kiến khác cho rằng, việc chuyển sang mô hình phát triển kinh tế mới ở nước ta đã làm sai lệch mục tiêu chủ nghĩa xã hội khi nó làm yếu vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Họ băn khoăn rằng, xây dựng chủ nghĩa xã hội mà vai trò của sở hữu tập thể ngày càng yếu đi thì không còn chủ nghĩa xã hội nữa. Họ

đồng nhất chủ nghĩa xã hội với sở hữu tập thể. Thực ra, đây cũng là vấn đề vướng mắc không chỉ trong thực tế chỉ đạo phát triển kinh tế mà còn cả trong giới nghiên cứu lý luận. Đó là vấn đề quan điểm của chủ nghĩa Mác về chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, nhiều tài liệu nghiên cứu đã nhấn mạnh sự khác nhau trong quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen ở giai đoạn giữa và giai đoạn cuối của sự hình thành chủ nghĩa Mác. Ở đây, chỉ là vấn đề chúng ta hiểu như thế nào về sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Nếu hiểu sở hữu tập thể như đã quan niệm là tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân dưới hai hình thức tập thể và nhà nước thì đúng là con đường phát triển mô hình kinh tế đang áp dụng ở nước ta là không tuân theo tinh thần đó. Nhưng nếu hiểu tư liệu sản xuất dù dưới sự quản lý của ai nhưng hoạt động của nó mang tính xã hội hóa cao và được sử dụng nhằm phục vụ cho sự phát triển của cả một nền kinh tế thì mô hình kinh tế chúng ta đang áp dụng đã và đang mang lại hiệu quả rất cao. Vấn đề là giữa hình thức và nội dung phải có sự thống nhất. Về hình thức là sở hữu tập thể nhưng tư liệu sản xuất lại được sử dụng như một lực lượng sản xuất phân tán, nhỏ lẻ thì đó không còn là sở hữu tập thể nữa. Vì thế, chúng ta không nên quá câu nệ về hình thức mà đánh giá là có chủ nghĩa xã hội hay không. Đây thực ra cũng là ý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở khi Người nói chủ nghĩa xã hội phải đem lại cơm no, áo ấm cho người dân. Như vậy, mô hình phát triển kinh tế mà Đảng ta đã lựa chọn là đúng đắn và phù hợp với thực tiễn phát triển của Việt Nam.

Tóm lại, có thể thấy trong công cuộc đổi mới của Việt Nam thì vấn đề lựa chọn mô hình phát triển kinh tế phù hợp giữ vị

trí then chốt và là cơ sở cho những chính sách đổi mới các mặt khác trong kinh tế. Việc nhận thức và lựa chọn mô hình kinh tế này là kết quả sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quy luật phát triển của loài người nói chung vào thực tiễn của xã hội Việt Nam. Đến nay, những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế đã chứng tỏ sự lựa chọn đúng đắn con đường đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến năm 2006, khi nhìn lại 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X đã khẳng định: Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế tăng trưởng khá nhanh và ổn định (từ năm 1990 đến năm 1997 tăng trưởng GDP khoảng 8%, từ năm 2000 đến năm 2006 trung bình khoảng 7%: lạm phát từ 774,5% năm 1986 giảm xuống còn 6% năm 2007). Đặc biệt, Việt Nam từ một nước phải nhập lương thực những năm trước đổi mới thì nay là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 3 trên thế giới (sau Thái Lan và Mỹ). Đời sống nhân dân, đặc biệt là người lao động được cải thiện rõ rệt. Cũng cần phải khẳng định thêm rằng, trong quá trình tiến hành sự nghiệp đổi mới, Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của hai cuộc khủng hoảng tài chính vào năm 1997 và năm 2008 mà hậu quả của cuộc khủng hoảng sau đến nay vẫn còn đang tác động rất lớn đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Song, Việt Nam đã đứng vững và vượt qua cuộc khủng hoảng năm 1997 và đến nay, bằng sự nỗ lực của Chính phủ và nhân dân, nước ta đang dần khắc phục được và đứng vững trước cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Điều này càng thể hiện sự phát triển của Việt Nam nhờ công cuộc đổi mới là mang tính căn bản và bền vững. □